

HOSE 05/08/2014

VNINDEX 607.73 8.69 1.45%

KLGD 86,632,550 CP
GTGD 1,619.63 Tỷ
GTR NDTNN - 57.69 Tỷ

CP Tăng giá 166 CP
CP Giảm giá 58 CP
CP Đứng giá 80 CP



Tâm điểm

- ▶ **Tăng điểm tích cực, VN-Index quay về vùng đỉnh cũ hồi tháng 4**
- ▶ **Thanh khoản thị trường đang được cải thiện dần**
Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 2,000 tỷ đồng
- ▶ **Kim ngạch xuất khẩu dệt may vượt lên dẫn đầu cả nước**
7 tháng đầu năm 2014, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt và may mặc đạt 11.48 tỷ USD
VOVonline
- ▶ **HSBC giữ nguyên dự báo tăng trưởng và lạm phát của Việt Nam**
Cụ thể, tăng trưởng GDP dự báo sẽ ở mức 5.5% và lạm phát ở mức 5.5%
Thời báo Ngân hàng
- ▶ **Trung Quốc sẽ không thực hiện gói tiền tệ quy mô lớn**
Tỷ lệ tín dụng/GDP của Trung Quốc đã tăng lên 206.3% trong quý 2/2014
Bloomberg
- ▶ **TCM: Quý 2/2014 lãi sau thuế 46.5 tỷ đồng tăng trưởng 32.6% so với cùng kỳ**
Lũy kế 6 tháng đầu năm 2014, LNST của TCM đạt 83.7 tỷ đồng, tăng 45.06%
Trí Thức Trẻ/HSX
- ▶ **HVG: Lợi nhuận quý 3/2014 kỳ vọng tăng gấp 5 lần cùng kỳ**
Được biết, năm 2014, Công ty đặt kế hoạch lợi nhuận đạt 496.4 tỷ đồng
Trí Thức Trẻ/HSX

HNX 05/8/2014

HNXINDEX 80.12 0.59 0.74%

KLGD 43,865,522 CP
GTGD 572.67 Tỷ
GTR NDTNN - 14.79 Tỷ

CP Tăng giá 124 CP
CP Giảm giá 57 CP
CP Đứng giá 198 CP



Thị trường / Ngành

Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,065,303	14.6	3.3	21.1%	11.0%
HNX	127,603	16.1	1.7	8.2%	4.1%
Toàn bộ thị trường	1,192,906	16.4	3.2	19.9%	10.4%

Theo ngành

Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Nhựa, cao su & sợi	6,993	6.0	0.9	15.4%	10.5%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	17,427	8.7	1.3	15.8%	11.3%
Thép và sản phẩm thép	38,056	20.2	2.0	18.6%	7.9%
Khai khoáng	11,957	60.8	5.6	0.4%	0.1%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,572	16.4	1.3	12.2%	8.5%
Xây dựng	28,677	- 46.8	1.1	-4.1%	1.6%
Máy công nghiệp	8,288	6.4	1.3	21.4%	14.7%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,355	13.4	1.5	15.0%	11.4%
Lốp xe	7,589	9.4	2.4	26.8%	11.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	17,170	11.9	1.6	15.5%	6.3%
Thực phẩm	204,888	24.3	5.0	21.4%	16.5%
Dược phẩm	15,591	11.9	3.1	25.3%	16.5%
Phần mềm	17,489	10.9	2.2	21.5%	9.2%
Sản xuất & phân phối điện	22,841	- 5.9	1.2	-7.8%	2.8%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	218,520	18.4	5.9	32.9%	22.1%
Bảo hiểm nhân thọ	29,873	24.2	2.4	10.0%	2.3%
Môi giới chứng khoán	24,348	13.6	1.4	8.3%	6.4%
Ngân hàng	244,385	11.0	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản	146,554	12.3	2.9	28.7%	7.1%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	44,595	10.7	2.3	21.8%	8.9%

VN30 & HNX30 INDEX

VN30 643.56 4.58 0.72%
HNX30 160.86 1.93 1.21%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

VietinBankSc

306 Ba Triệu
Hai Bà Trưng
Hanoi
Vietnam

Tel: (844) 3974 7952

Fax: (844) 3974 1760

www.vietinbanksc.com.vn

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Kim ngạch xuất khẩu dệt may vươn lên dẫn đầu cả nước

HSBC giữ nguyên dự báo tăng trưởng và lạm phát của Việt Nam

Trung Quốc sẽ không thực hiện nới lỏng tiền tệ quy mô lớn

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

TCM: Quý 2/2014 lãi sau thuế 46.5 tỷ đồng tăng trưởng 32.6% so với cùng kỳ

HVG: Lợi nhuận quý 3/2014 kỳ vọng tăng gấp 5 lần cùng kỳ

HHS : Lợi nhuận tháng 7 vượt quý 2

► Tin kinh tế

Thông tin mới nhất từ Bộ Công Thương cho biết, trong tháng 7/2014, kim ngạch xuất khẩu dệt may cả nước đã vượt qua điện thoại để trở thành ngành đạt giá trị kim ngạch xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam. Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt và may mặc tháng 7 đã đạt 2.1 tỷ USD, tăng 11.1% so với tháng trước và tăng 17.4% so với cùng kỳ, trong khi đó kim ngạch xuất khẩu điện thoại các loại và linh kiện tháng 7 đạt 1.6 tỷ USD. Tính chung 7 tháng đầu năm 2014, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt và may mặc đạt 11.48 tỷ USD, tăng 19.4% so với cùng kỳ năm trước.

Trong báo cáo triển vọng KTVM Việt Nam tháng 8 vừa được công bố mới đây, HSBC giữ nguyên mức dự báo về tăng trưởng GDP và lạm phát 2014 so với báo cáo tháng trước. Cụ thể, tăng trưởng GDP dự báo sẽ ở mức 5.5% và lạm phát ở mức 5.5%. Theo các chuyên gia nghiên cứu của HSBC, ngành sản xuất là một trong những yếu tố quan trọng giúp cho kinh tế vẫn duy trì được tăng trưởng ở mức trên. Kỳ vọng còn lớn hơn trong năm 2015 khi những dự án FDI mới bắt đầu đi vào hoạt động cũng như sự hồi phục của kinh tế toàn cầu, qua đó có thể giúp tăng trưởng GDP 2015 đạt mức 5.8%. Riêng với năm nay, với mức lạm phát dự báo ở mức 5.5%, HSBC tin rằng tăng trưởng tín dụng sẽ xoay quanh khoảng 10%.

Trung Quốc sẽ không thực hiện nới lỏng tiền tệ quy mô lớn. Tổng nợ của Trung Quốc hiện đang tăng lên nhanh chóng bất chấp nguồn cung tiền tệ và tín dụng vốn đã ở mức tương đối cao, theo nhận định của Ngân hàng Trung ương Trung Quốc trong báo cáo chính sách tiền tệ quý 2/2014. Tăng trưởng tín dụng của toàn bộ nền kinh tế Trung Quốc đã vượt quá tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội danh nghĩa kể từ năm 2008, theo số liệu của Bloomberg. Theo số liệu, tỷ lệ tín dụng/GDP đã tăng lên 206.3% trong quý 2/2014 so với 202.1% của quý 1.

► Tin doanh nghiệp

CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công (HOSE: TCM) vừa công bố BCTC hợp nhất quý 2/2014. Theo đó, riêng quý 2/2014 doanh thu thuần đạt 663.6 tỷ đồng tăng nhẹ 1.52% so với cùng kỳ; Lợi nhuận gộp đạt 99.13 tỷ đồng giảm nhẹ 2.66% so với quý 2/2013. Trong kỳ chi phí lãi vay giảm gần 6 tỷ đồng đã giúp chi phí hoạt động tài chính giảm mạnh gần 60% xuống còn 10.8 tỷ đồng là nguyên nhân cơ bản giúp TCM báo lãi sau thuế 46.5 tỷ đồng tăng trưởng 32.6% so với cùng kỳ 2013 trong đó LNST thuộc về công ty mẹ là 46.7 tỷ đồng. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2014, TCM đạt 1,305.9 tỷ đồng doanh thu thuần; LNST 6 tháng đạt 83.7 tỷ đồng lần lượt tăng 8.85% và 45.06% so với cùng kỳ năm ngoái.

CTCP Thủy sản Hùng Vương (HOSE: HVG) vừa công bố kết quả kinh doanh hợp nhất quý 2 và 6 tháng đầu năm 2014. Cụ thể, doanh thu thuần quý 2 tăng 40% lên 3,680 tỷ đồng và 6 tháng tăng 45% so với cùng kỳ lên 7,417 tỷ đồng, LNST đạt 106 tỷ đồng nhưng phần lãi ròng dành cho cổ đông công ty mẹ chỉ hơn 64 tỷ đồng, giảm 42% so với cùng kỳ năm ngoái. Lũy kế 6 tháng, công ty lãi ròng 171 tỷ đồng, giảm 21% so với 6 tháng năm 2013. HVG kỳ vọng, doanh thu của quý 3/2014 sẽ tăng và lợi nhuận quý 3/2014 sẽ tăng gấp 5 lần so với cùng kỳ năm trước. Ước tính tổng doanh thu của 9 tháng trong năm 2014 sẽ bằng cả năm 2013, lợi nhuận sẽ tăng 30% so với năm 2013. Kết thúc năm 2014, công ty dự kiến doanh thu đạt khoảng 15,000 tỷ đồng và lợi nhuận sẽ tăng khoảng 70% so với năm 2014 (tương đương khoảng 496.4 tỷ đồng).

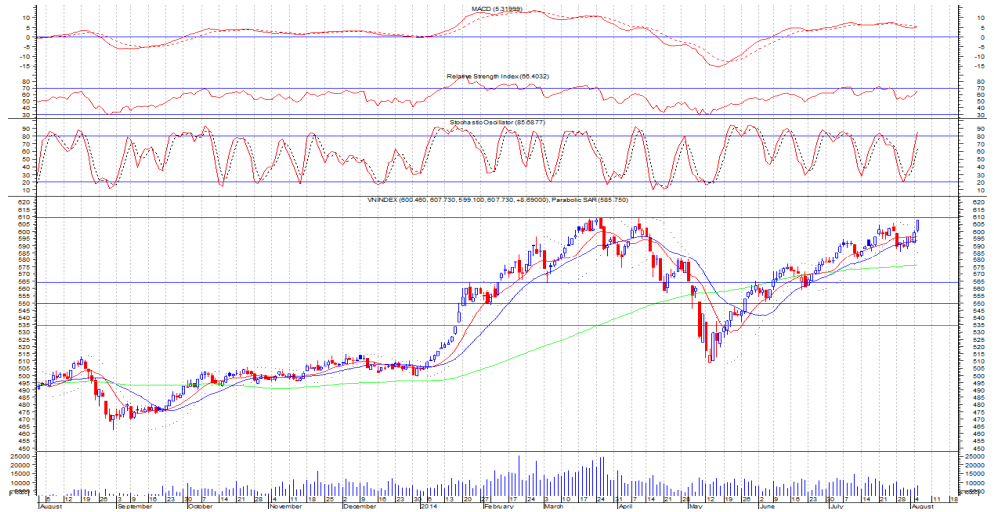
CTCP Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HOSE: HHS) vừa mới công bố kết quả kinh doanh tháng 7 khả quan. HHS cho biết riêng tháng 7, công ty đạt doanh thu 120 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt 12.1 tỷ đồng. Trước đó, HHS cũng đã công bố báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm với doanh thu 323 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 28.5 tỷ đồng, trong đó quý 2 lợi nhuận ròng đạt 11.5 tỷ đồng. Như vậy riêng lợi nhuận một tháng 7 đã vượt cả quý 2 vừa qua. Kết thúc 7 tháng đầu năm, HHS đạt lũy kế 445.5 tỷ doanh thu, hoàn thành 72% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 40.6 tỷ đồng, hoàn thành 48% kế hoạch ĐHCĐ thông qua hồi tháng 5.

HOSE 05/08/2014 VNINDEX 607.73 8.69 1.45% 86,632,550 CP 1,619.63 bil VND

Tăng điểm tích cực, VN-Index quay về vùng đỉnh cũ

VN-Index tăng 8.69 điểm (+1.45%), đóng cửa tại mức 607.73 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến dài, tăng điểm tích cực và đóng cửa ở mức cao trong phiên.

- MACD gia tăng trở lại, tăng khả năng cắt đường tín hiệu cho tín hiệu mua trở lại.
- Stochastic Oscillator tiếp tục gia tăng mạnh và đi vào vùng quá mua.
- MA10, MA20 gia tăng tốt, cho thấy xu hướng tăng điểm của VN-Index đang được củng cố.
- RSI (14) tăng tích cực lên mức 66.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.3 (2.3%)	8,515,990
SAM	0.7 (6.5%)	6,858,580
ITA	0.1 (1.3%)	3,876,820
SSI	0.6 (2.3%)	2,607,020
IJC	0.1 (0.7%)	2,592,260

HOSE Top 5 theo % tăng

FMC	1.4 (7.0%)	175,270
VTO	0.5 (6.9%)	1,798,400
VCF	11 (6.7%)	2,040
CLW	1 (6.6%)	10
SAM	0.7 (6.5%)	6,858,580

HOSE Top 5 theo % giảm

DLG	-0.7 (-7.1%)	231,760
HTL	-1.2 (-6.7%)	1,420
BBC	-3.5 (-6.3%)	1,220
VSI	-0.5 (-6.3%)	1,030
PTC	-0.3 (-5.2%)	490

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

GAS	26,6 tỷ	233,700
SAM	12,4 tỷ	1,097,160
VCB	5,3 tỷ	205,350
BID	3,4 tỷ	213,850
HDG	3,0 tỷ	121,000

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

HPG	-33,8 tỷ	594,150
KDC	-17,0 tỷ	303,210
HAG	-17,0 tỷ	663,040
VIC	-16,4 tỷ	213,320
MSN	-15,8 tỷ	180,200

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-455,700	57.69

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT tiếp tục có được sự tích cực nhờ sự tăng giá của nhóm Bluechips. Đà tăng gia tăng mạnh từ đầu đến cuối phiên. VN-Index tiệm cận vùng đỉnh cũ hồi tháng 4.
- ▶ KLGD gia tăng nhẹ và đạt 83 triệu đơn vị. Việc thanh khoản gia tăng là một tín hiệu tích cực, cho thấy tâm lý nhà đầu tư đang được cải thiện dần.
- ▶ Khối ngoại bán ròng trở lại 57,69 tỷ trong phiên hôm nay. Khối này mua nhiều ở GAS, SAM. Bán nhiều ở HPG, KDC, HAG.
- ▶ Dòng tiền nhiều khả năng sẽ chuyển dần sang nhóm đầu cơ tuy nhiên áp lực chốt lời sẽ xuất hiện mạnh khi VN-Index về lại vùng đỉnh cũ.
- ▶ NĐT có thể cân nhắc chốt lời một phần, việc mua thêm chỉ nên cân nhắc các mã chưa tăng giá quá mạnh và thanh khoản chung thị trường vẫn ở mức cao.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	117.0	221,715.00	18.9	6.0	33.4%	22.6%
VNM	833.4	137.0	114,180.32	18.7	6.2	34.1%	27.1%
VCB	2,665.0	26.2	69,823.53	15.7	1.4	10.4%	1.0%
VIC	894.2	77.0	68,856.51	9.4	4.7	47.0%	11.1%
MSN	734.9	88.0	64,672.20	195.1	4.4	2.2%	0.7%
CTG	3,723.4	14.7	54,734.05	8.6	1.0	11.4%	1.1%
BID	2,811.2	15.7	44,135.88	9.6	1.3	14.2%	0.8%
BVH	680.5	44.0	29,940.74	24.2	2.4	10.0%	2.3%
HPG	481.9	57.0	27,468.77	11.4	2.3	25.0%	10.7%
PVD	275.5	99.0	27,273.73	12.6	2.6	21.7%	9.8%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

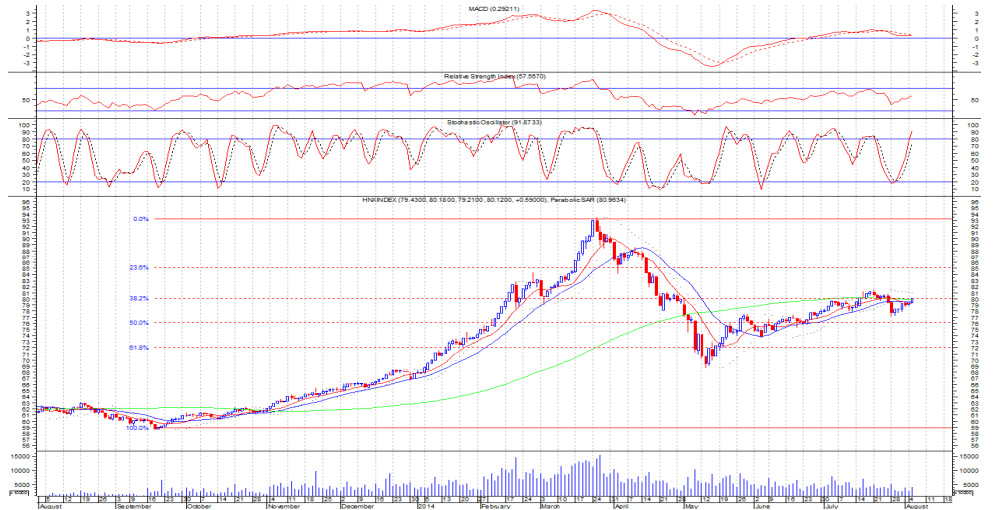
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	13.5	3,454.08	15.4	1.1	NA	TH.DOI
FPT	343.9	51.5	17,710.55	10.8	2.3	NA	TH.DOI
CII	112.9	21.2	2,392.66	16.5	1.5	NA	TH.DOI
BMP	45.5	68.5	3,115.28	8.3	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.4	692.55	5.1	0.8	NA	TH.DOI
FDC	27.6	18.7	516.31	2.0	0.8	NA	TH.DOI

HNX 05/08/2014 HNX-Index 80.12 0.59 0.74% 43,865,522 CP 572.67 bil. VND

Tăng điểm tích cực, VN-Index quay về vùng đỉnh cũ

Chỉ số HNX-Index tăng 0.59 điểm (+0.74%), đóng cửa tại mốc 80.12 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh với thân nến vừa phải, chỉ số đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator gia tăng mạnh và đi sâu vào vùng quá mua.
- MACD gia tăng mạnh, tăng khả năng cắt đường tín hiệu cho tín hiệu mua trở lại.
- RSI (14) tăng nhẹ lên mức 57..
- HNX-Index đang giao dịch tích cực và trở lại vùng đỉnh cũ.



HNX Top 5 theo KLGD

Mã CK	Đổi (%)	Giá
PVX	0.2 (4.4%)	7,503,240
KLF	0.6 (5.4%)	6,412,530
PVS	0 (0.0%)	3,830,270
FIT	0.4 (2.9%)	2,239,830
SHB	0.1 (1.1%)	2,105,710

HNX Top 5 theo % tăng

Mã CK	Đổi (%)	Giá
DPC	1.2 (10.0%)	2,000
SGH	5.5 (10.0%)	110
TAG	2.2 (10.0%)	1,000
VIX	2.4 (9.9%)	362,700
HMH	2.3 (9.7%)	217,990

HNX Top 5 theo % giảm

Mã CK	Đổi (%)	Giá
HCT	-1.1 (-9.9%)	2,900
PRC	-1.2 (-9.8%)	600
SMT	-2 (-9.6%)	1,600
BSC	-0.7 (-9.5%)	500
LM3	-0.3 (-9.1%)	600

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

Mã CK	Giá	Giá
LAS	2,8 tỷ	79,000
PVC	0,8 tỷ	34,240
INN	0,4 tỷ	14,000
VAT	0,2 tỷ	29,600
SD6	0,2 tỷ	14,000

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

Mã CK	Giá	Giá
PVS	-16,0 tỷ	467,000
VND	-3,2 tỷ	212,000
PLC	-0,4 tỷ	20,216
POT	-0,3 tỷ	24,100
PVB	-0,2 tỷ	4,300

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	-448,276	14.79

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT tiếp tục có được sự tích cực nhờ sự tăng giá của nhóm Bluechips. Đà tăng gia tăng mạnh từ đầu đến cuối phiên. HNX-Index quay trở lại vùng đỉnh 80 điểm.
- ▶ KLGD gia tăng nhẹ và đạt 43 triệu đơn vị. Việc thanh khoản gia tăng là một tín hiệu tích cực, cho thấy tâm lý nhà đầu tư đang được cải thiện dần.
- ▶ Khối ngoại bán ròng trở lại 14,79 tỷ trong phiên hôm nay. Khối này mua nhiều ở LAS, PVC. Bán nhiều ở PVS, VND.
- ▶ Dòng tiền nhiều khả năng sẽ chuyển dần sang nhóm đầu cơ tuy nhiên áp lực chốt lời sẽ xuất hiện mạnh khi HNX-Index về lại vùng đỉnh cũ.
- ▶ NĐT có thể cân nhắc chốt lời một phần, việc mua thêm chỉ nên cân nhắc các mã chưa tăng giá quá mạnh và thanh khoản chung thị trường vẫn ở mức cao.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
PVS	446.7	34.0	15,187.81	8.6	1.8	21.5%	7.1%
ACB	909.8	15.4	14,010.62	18.4	1.1	6.1%	0.5%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	161.7	7.4	-4.1%	-3.2%
SHB	886.1	8.8	7,797.53	9.5	0.7	7.9%	0.7%
VCG	441.7	13.3	5,874.75	12.7	1.0	8.3%	1.8%
OCH	200.0	25.6	5,120.00	36.0	2.4	6.3%	3.1%
PVI	225.4	19.5	4,395.58	15.7	0.7	4.6%	2.1%
LAS	77.8	35.3	2,747.47	7.0	1.8	27.5%	15.2%
NTP	56.3	47.5	2,676.12	10.0	1.7	23.8%	16.0%
VNR	131.1	20.0	2,621.52	7.4	0.8	14.5%	7.0%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	33.1	1,257.80	8.4	1.4	NA	TH.DOI
AAA	19.8	18.7	370.26	7.0	0.7	NA	TH.DOI
VND	100.0	15.5	1,549.98	13.9	1.3	NA	TH.DOI
NTP	56.3	47.5	2,676.12	10.0	1.7	NA	TH.DOI
PVC	50.0	23.0	1,150.00	13.6	1.3	NA	TH.DOI
DXP	7.9	38.4	302.40	6.1	1.4	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	64,672.20	13.73%	88.0	195.05	4.37	170,174	168,625	154,535
VIC	HOSE	894.2	68,856.51	13.68%	77.0	9.39	4.66	608,813	562,250	352,074
HPG	HOSE	481.9	27,468.77	13.62%	57.0	11.40	2.28	655,172	880,666	724,901
PVD	HOSE	275.5	27,273.73	9.64%	99.0	12.58	2.61	320,738	362,081	320,645
HAG	HOSE	718.2	18,456.58	8.07%	25.7	15.08	1.38	2,229,168	2,292,600	2,535,940
STB	HOSE	1,142.5	22,278.98	7.65%	19.5	10.18	1.46	212,210	284,375	1,471,445
VCB	HOSE	2,665.0	69,823.53	6.07%	26.2	15.67	1.37	157,594	209,108	435,040
DPM	HOSE	379.9	11,474.01	5.32%	30.2	8.97	1.27	802,567	782,001	936,269
ITA	HOSE	718.0	5,672.25	3.07%	7.9	98.65	0.72	2,924,804	3,924,748	4,918,803
BVH	HOSE	680.5	29,940.74	2.45%	44.0	24.24	2.38	191,393	166,172	266,071
KBC	HOSE	389.8	4,209.41	2.33%	10.8	24.32	0.75	757,035	1,065,001	1,019,094
HSG	HOSE	96.3	4,083.68	2.28%	42.4	10.32	1.91	118,335	112,076	129,327
GMD	HOSE	116.1	4,076.44	1.97%	35.1	129.07	0.88	93,070	101,127	216,133
VSH	HOSE	206.2	3,052.37	1.58%	14.8	14.10	1.13	374,501	504,918	482,544
PPC	HOSE	318.2	7,126.66	1.47%	22.4	7.67	1.27	482,747	593,960	429,566
CSM	HOSE	67.3	2,920.47	1.45%	43.4	7.86	2.05	220,724	378,434	377,930
DRC	HOSE	83.1	4,319.84	1.34%	52.0	11.52	2.79	166,994	248,297	213,936
HVG	HOSE	120.0	3,048.00	1.24%	25.4	20.08	1.23	785,024	626,312	615,872
PVT	HOSE	255.9	3,454.08	1.16%	13.5	15.35	1.14	1,178,629	1,269,761	1,136,001
DIG	HOSE	143.0	2,216.43	1.06%	15.5	41.10	0.92	78,046	110,958	189,568
OGC	HOSE	300.0	3,270.00	0.82%	10.9	47.24	1.00	716,661	993,324	1,302,226

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
STB	HOSE	1,142.5	22,278.98	7.67%	19.5	10.18	1.46	212,210	284,375	1,471,445
MSN	HOSE	734.9	64,672.20	7.43%	88.0	195.05	4.37	170,174	168,625	154,535
VCB	HOSE	2,665.0	69,823.53	7.31%	26.2	15.67	1.37	157,594	209,108	435,040
VIC	HOSE	894.2	68,856.51	6.29%	77.0	9.39	4.66	608,813	562,250	352,074
DPM	HOSE	379.9	11,474.01	5.63%	30.2	8.97	1.27	802,567	782,001	936,269
BVH	HOSE	680.5	29,940.74	5.63%	44.0	24.24	2.38	191,393	166,172	266,071
PVS	HNX	446.7	15,187.81	5.50%	34.0	8.62	1.82	2,486,153	2,545,495	2,076,449
PVD	HOSE	275.5	27,273.73	3.79%	99.0	12.58	2.61	320,738	362,081	320,645
ITA	HOSE	718.0	5,672.25	3.48%	7.9	98.65	0.72	2,924,804	3,924,748	4,918,803
SHB	HNX	886.1	7,797.53	3.36%	8.8	9.54	0.73	2,660,849	4,984,405	5,689,447
HAG	HOSE	718.2	18,456.58	3.27%	25.7	15.08	1.38	2,229,168	2,292,600	2,535,940
VCG	HNX	441.7	5,874.75	3.21%	13.3	12.67	1.02	688,843	898,594	1,479,498
OGC	HOSE	300.0	3,270.00	2.07%	10.9	47.24	1.00	716,661	993,324	1,302,226
DRC	HOSE	83.1	4,319.84	1.52%	52.0	11.52	2.79	166,994	248,297	213,936
GMD	HOSE	116.1	4,076.44	1.49%	35.1	129.07	0.88	93,070	101,127	216,133
PPC	HOSE	318.2	7,126.66	1.32%	22.4	7.67	1.27	482,747	593,960	429,566
PVT	HOSE	255.9	3,454.08	1.16%	13.5	15.35	1.14	1,178,629	1,269,761	1,136,001
PVX	HNX	400.0	1,880.00	0.00%	4.7	- 0.80	2.25	4,832,325	5,572,414	6,622,280

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	894.2	68,856.51	0.00%	77.0	9.39	4.66	608,813	562,250	352,074
MSN	HOSE	734.9	64,672.20	0.00%	88.0	195.05	4.37	170,174	168,625	154,535
DPM	HOSE	379.9	11,474.01	0.00%	30.2	8.97	1.27	802,567	782,001	936,269
HAG	HOSE	718.2	18,456.58	0.00%	25.7	15.08	1.38	2,229,168	2,292,600	2,535,940
VCB	HOSE	2,665.0	69,823.53	0.00%	26.2	15.67	1.37	157,594	209,108	435,040
STB	HOSE	1,142.5	22,278.98	0.00%	19.5	10.18	1.46	212,210	284,375	1,471,445
BVH	HOSE	680.5	29,940.74	0.00%	44.0	24.24	2.38	191,393	166,172	266,071
CTG	HOSE	3,723.4	54,734.05	0.00%	14.7	8.58	0.98	241,782	301,289	315,888
GAS	HOSE	1,895.0	221,715.00	0.00%	117.0	18.87	5.98	241,735	254,541	341,570

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	64,672.20	0.88%	88.0	195.05	4.37	170,174	168,625	154,535
VIC	HOSE	894.2	68,856.51	0.56%	77.0	9.39	4.66	608,813	562,250	352,074
STB	HOSE	1,142.5	22,278.98	0.31%	19.5	10.18	1.46	212,210	284,375	1,471,445
VCB	HOSE	2,665.0	69,823.53	0.24%	26.2	15.67	1.37	157,594	209,108	435,040
DPM	HOSE	379.9	11,474.01	0.15%	30.2	8.97	1.27	802,567	782,001	936,269
BVH	HOSE	680.5	29,940.74	0.08%	44.0	24.24	2.38	191,393	166,172	266,071

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	6,993	6.0	0.9	15.4%	10.5%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	17,427	8.7	1.3	15.8%	11.3%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,854	23.7	0.8	2.8%	1.6%
Sản xuất giấy	787	7.3	0.8	12.3%	6.4%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	38,056	20.2	2.0	18.6%	7.9%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,602	2.9	0.7	23.7%	5.1%
Khai khoáng	11,957	60.8	5.6	0.4%	0.1%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,572	16.4	1.3	12.2%	8.5%
Xây dựng	28,677	-	46.8	1.1	-4.1%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,113	7.9	1.2	16.6%	8.5%
Công nghiệp phức hợp	740	6.1	1.4	13.6%	9.7%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,682	8.9	1.0	9.6%	4.3%
Thiết bị điện	1,830	-	17.1	1.1	0.8%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	40	13.3	0.5	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,288	6.4	1.3	21.4%	14.7%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,040	-	2.7	1.0	3.5%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,355	13.4	1.5	15.0%	11.4%
Dịch vụ vận tải	5,777	8.8	1.3	18.2%	11.2%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,534	11.2	1.3	13.2%	4.6%
Đào tạo & Việc làm	207	9.8	0.7	8.0%	2.6%
Nhà cung cấp thiết bị	179	8.3	0.8	10.7%	4.5%
Chất thải & Môi trường	158	2.4	0.7	34.4%	16.8%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	1,845	9.8	1.2	11.9%	6.9%
Lốp xe	7,589	9.4	2.4	26.8%	11.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,349	6.9	1.1	15.6%	8.7%
Vang & Rượu mạnh	321	13.7	1.5	17.8%	11.5%
Đồ uống & giải khát	240	6.9	1.2	14.2%	9.5%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	17,170	11.9	1.6	15.5%	6.3%
Thực phẩm	204,888	24.3	5.0	21.4%	16.5%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	53	14.4	0.7	4.6%	3.5%
Thiết bị gia dụng	2,107	8.3	1.0	12.3%	6.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	158	8.4	1.4	16.5%	11.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,232	8.8	1.6	18.2%	7.1%
Giày dép	8	-	1.1	0.5	-33.3%
Hàng cá nhân	4,904	10.1	1.7	16.4%	8.7%
Thuốc lá					
Thuốc lá	710	-	8.2	1.1	0.8%

05 August 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	932	16.7	1.0	4.9%	2.9%
Dụng cụ y tế	146	3.0	1.6	38.0%	16.3%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	176	8.3	1.1	13.2%	9.3%
Dược phẩm	15,591	11.9	3.1	25.3%	16.5%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	227	42.7	0.7	1.7%	0.5%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	673	12.8	1.1	12.3%	8.0%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,512	9.3	1.7	17.6%	3.4%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,049	8.7	0.9	11.7%	7.9%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,644	35.8	2.3	6.0%	3.1%
Dịch vụ giải trí	2,174	51.1	1.3	14.5%	12.4%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,390	18.1	2.8	22.4%	19.4%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	65	15.2	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	572	23.2	0.7	3.2%	1.1%
Internet	348	73.4	0.9	1.1%	0.2%
Phần mềm	17,489	10.9	2.2	21.5%	9.2%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	444	15.2	0.8	4.3%	1.6%
Thiết bị văn phòng	271	4.6	1.0	22.4%	17.1%
Thiết bị viễn thông	8,622	21.1	1.1	31.8%	10.9%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	22,841	-	5.9	-7.8%	2.8%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	218,520	18.4	5.9	32.9%	22.1%
Nước	1,180	6.3	1.0	16.7%	11.0%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,156	5.1	0.8	15.6%	5.1%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,588	12.4	0.7	5.9%	2.6%
Tái bảo hiểm	2,622	7.4	0.8	14.5%	7.0%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	29,873	24.2	2.4	10.0%	2.3%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,210	47.2	1.0	2.1%	0.6%
Môi giới chứng khoán	24,348	13.6	1.4	8.3%	6.4%
Ngân hàng					
Ngân hàng	244,385	11.0	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	146,554	12.3	2.9	28.7%	7.1%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	9	2.4	0.6	33.6%	11.3%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	44,595	10.7	2.3	21.8%	8.9%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.